



BÁO CÁO

PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ LÊN CÁC DOANH NGHIỆP VÀ ĐƯA RA CÁC ĐỊNH HƯỚNG ĐỂ NÂNG CAO MÔI TRƯỜNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

MÃ HOẠT ĐỘNG: ICB-25

“Hỗ trợ Bộ Công Thương chuẩn bị Kế hoạch tổng thể phát triển Thương mại điện tử giai đoạn 2016 – 2020”

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Chuyên gia: *Chữ Bá Quyết*

Báo cáo này được thực hiện với sự hỗ trợ của Phái đoàn Liên minh Châu Âu. Những quan điểm nêu trong Báo cáo này là của riêng tác giả và không phản ánh quan điểm chính thức của Bộ Công Thương Việt Nam

PHẦN I –CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIỆT NAM

Thương mại điện tử (TMĐT) về cơ bản là việc ứng dụng các phương tiện điện tử vào hoạt động kinh doanh, thương mại. Chủ thể tham gia hoạt động TMĐT bên cạnh việc tuân thủ các quy định trực tiếp về TMĐT, còn phải thực hiện các quy định pháp luật liên quan khác như đầu tư kinh doanh, thương mại, dân sự.... Tính đến 2015, hạ tầng pháp lý cho TMĐT được đánh giá là khá hoàn thiện đối với tình hình phát triển hiện tại của TMĐT Việt Nam.

I. Khung pháp lý cho TMĐT tại Việt Nam

Về khung pháp luật kinh doanh, ngày 26 tháng 11 năm 2014, Quốc hội thông qua hai luật mới: Luật đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, hai luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Về pháp luật chuyên ngành lĩnh vực TMĐT, ngày 05 tháng 12 năm 2014, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về quản lý website thương mại điện tử. Với sự ra đời của hai luật trên và Thông tư số 47/2014/TT-BCT, năm 2014 là năm đánh dấu nhiều thay đổi về khung pháp lý cho hoạt động TMĐT của Việt Nam¹.

Hình 1: Cập nhật khung pháp lý cơ bản cho thương mại điện tử tại Việt Nam 2014

Thời gian	Luật	
21/12/1999	Bộ luật Hình sự	
14/6/2005	Bộ luật Dân sự	
14/6/2005	Luật Thương mại	
29/11/2005	Luật Giao dịch điện tử (GDĐT)	
29/06/2006	Luật Công nghệ thông tin (CNTT)	
23/11/2009	Luật Viễn Thông	
19/6/2009	Bộ luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 1999 số 37/2009/QH12	
21/6/2012	Luật Quảng cáo	
26/11/2014	Luật Đầu tư	
26/11/2014	Luật Doanh nghiệp	
	Nghị định hướng dẫn Luật	Văn bản bên trên
15/02/2007	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về Chữ ký số và Dịch vụ chứng thực chữ ký số	Luật GDĐT
23/02/2007	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	Luật GDĐT
08/03/2007	Nghị định số 35/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng	Luật GDĐT
13/08/2008	Nghị định số 90/2008/NĐ-CP về chống thư rác	Luật GDĐT
06/04/2011	Nghị định số 25/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông	Luật Viễn thông

¹ Giới thiệu chi tiết các văn bản quy phạm pháp luật xem phần II Chương I Báo cáo này.

13/06/2011	Nghị định 43/2011/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Luật CNTT
23/11/2011	Nghị định số 106/2011/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 26/2007/NĐ-CP về Chữ ký số và Dịch vụ chứng thực chữ ký số	Luật GDĐT
5/10/2012	Nghị định số 77/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định số 90/2008/NĐ-CP về Chống thư rác	Luật GDĐT
22/11/2012	Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về Thanh toán không dùng tiền mặt (thay thế Nghị định số 64/2001/NĐ-CP về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán)	Luật CNTT
16/5/2013	Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử	Luật GDĐT
15/7/2013	Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng	Luật CNTT
08/11/2013	Nghị định số 154/2013/NĐ-CP quy định về khu công nghệ thông tin tập trung	Luật CNTT
13/11/2013	Nghị định số 170/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007	Luật GDĐT
14/11/2013	Nghị định số 181/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo	Luật Quảng cáo
	Xử lý vi phạm	Văn bản bên trên
12/11/2013	Nghị định số 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao du lịch và quảng cáo	
13/11/2013	Nghị định số 174/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện	
15/11/2013	Nghị định số 185/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
07/4/2014	Nghị định số 25/2014/NĐ-CP quy định về Phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao	
	Thông tư hướng dẫn thi hành một số nội dung của các Nghị định	Văn bản bên trên
15/09/2008	Thông tư số 78/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
30/12/2008	Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP của Chính phủ về chống thư rác	Nghị định số 90/2008/NĐ-CP
02/03/2009	Thông tư số 03/2009/TT-BTTTT quy định về mã số quản lý và mẫu giấy chứng nhận mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet	Nghị định số 90/2008/NĐ-CP
16/03/2009	Thông tư số 50/2009/TT-BTC về việc hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
31/07/2009	Thông tư số 26/2009/TT-BTTTT quy định về việc cung cấp thông tin và đảm bảo khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Nghị định số 64/2007/NĐ-CP
14/12/2009	Thông tư số 37/2009/TT-BTTTT quy định về hồ sơ và thủ tục liên quan đến cấp phép, đăng ký, công nhận các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP
22/07/2010	Thông tư số 17/2010/TT-BKH quy định chi tiết thi hành điểm đấu thầu qua mạng	Nghị định số 26/2007/NĐ-CP

28/9/2010	Thông tư số 153/2010/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ	Nghị định số 51/2010/NĐ-CP
9/11/2010	Thông tư số 23/2010/TT-NHNN quy định về việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống Thanh toán điện tử liên ngân hàng	Nghị định số 35/2007/NĐ-CP
10/11/2010	Thông tư số 180/2010/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
15/11/2010	Thông tư số 25/2010/TT-BTTTT quy định việc thu thập, sử dụng, chia sẻ, đảm bảo an toàn và bảo vệ thông tin cá nhân trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước	Nghị định số 64/2007/NĐ-CP
20/12/2010	Thông tư số 209/2010/TT-BTC quy định giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
14/3/2011	Thông tư số 32/2011/TT-BTC hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ	Nghị định số 27/2007/NĐ-CP
10/9/2012	Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTC-TANDTC hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ Luật hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông	Bộ Luật hình sự
05/12/2014	Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về quản lý website thương mại điện tử (thay thế Thông tư số 12/2013/TT-BCT quy định thủ tục thông báo, đăng ký và công bố thông tin liên quan đến website thương mại điện tử)	Nghị định số 52/2013/NĐ-CP
11/12/2014	Thông tư số 39/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán	Nghị định số 101/2012/NĐ-CP

II. Tổng hợp một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến TMĐT

1. Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp năm 2014

Luật Doanh nghiệp năm 2014 có nhiều điểm mới so với Luật Doanh nghiệp năm 2005, thể hiện theo tinh thần Hiến pháp 2013 về quyền tự do kinh doanh của công dân, của doanh nghiệp. Theo đó, những gì luật pháp không cấm thì người dân, doanh nghiệp được tự do đầu tư, kinh doanh².

Hình 2: Giới thiệu Luật Doanh nghiệp năm 2014

STT	Một số quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2014
1	Tách riêng thủ tục thành lập doanh nghiệp với các thủ tục về đầu tư dự án, chứng nhận đầu tư, tạo cơ hội về khả năng gia nhập thị trường cho doanh nghiệp.
2	Bãi bỏ quy định đề nghị doanh nghiệp cung cấp mã ngành khi thực hiện đăng ký kinh doanh. Theo đó, doanh nghiệp được tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức

²Trích dẫn công báo của Bộ Tư pháp ngày 03 tháng 12 năm 2014 tại Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp

	tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
3	Theo xu hướng phát triển phương thức giao dịch điện tử, việc sử dụng con dấu được cải cách đáng kể trong Luật này. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; đồng thời, có nghĩa vụ thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, không phải tất cả văn bản của doanh nghiệp phải đóng dấu mà chỉ đóng dấu vào văn bản nào pháp luật quy định hoặc do đối tác yêu cầu phải có dấu.
4	Thay vì quy định Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, Luật này sửa đổi quy định doanh nghiệp Nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Luật Đầu tư năm 2014 có 07 Chương, 76 Điều với nhiều nội dung mới đảm bảo hành lang pháp lý mở rộng thu hút đầu tư, xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các chủ thể trong hoạt động đầu tư, đem lại lợi ích tốt nhất cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

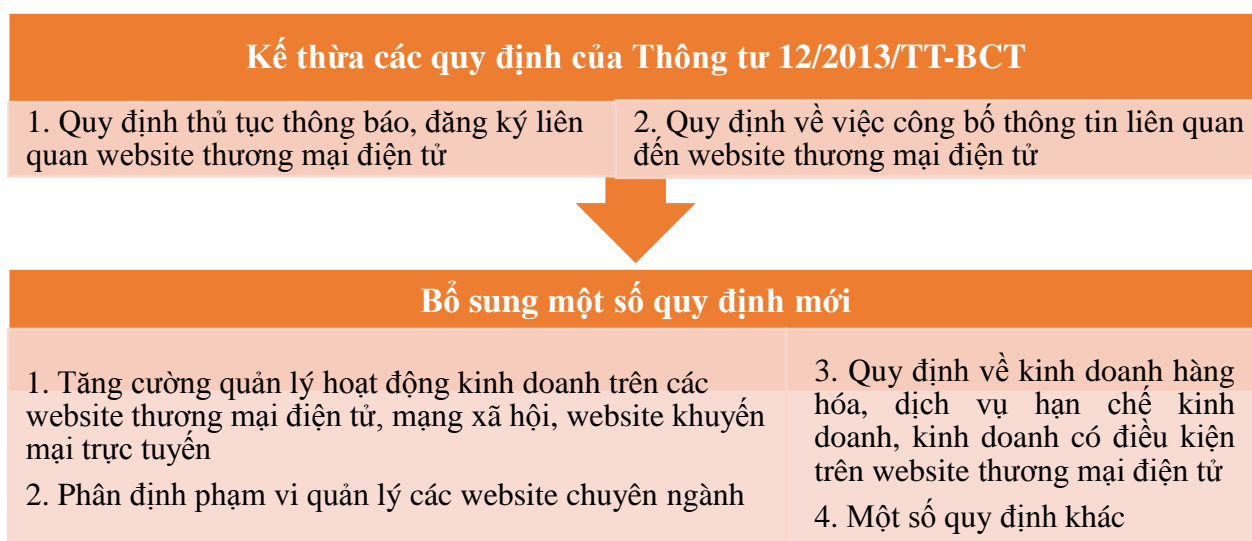
Nội dung nổi bật trong Luật Đầu tư năm 2014 là các vấn đề liên quan đến nguyên tắc về quyền tự do đầu tư kinh doanh của công dân trong các ngành, nghề mà Luật không cấm. Luật Đầu tư năm 2014 tập hợp, quy định cụ thể Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo phương pháp loại trừ đã góp phần đổi mới căn bản nguyên tắc áp dụng pháp luật. Theo đó, các nhà đầu tư từ việc chỉ được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật cho phép sang nguyên tắc được tự do đầu tư, kinh doanh tất cả các ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện³.

³Trích dẫn công báo của Bộ Tư pháp ngày 08 tháng 12 năm 2014 tại Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp

2. Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về quản lý website thương mại điện tử

Thông tư số 47/2014/NĐ-CP của Bộ Công Thương ngày 05 tháng 12 năm 2014 quy định về quản lý website thương mại điện tử nhằm hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 5 năm 2013 về Thương mại điện tử. Thông tư số 47/2014/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 20 tháng 01 năm 2015, thay thế Thông tư số 12/2013/TT-BCT quy định thủ tục thông báo, đăng ký và công bố thông tin liên quan đến website thương mại điện tử.

Hình 3: Phương pháp tiếp cận xây dựng Thông tư số 47/2014/TT-BCT

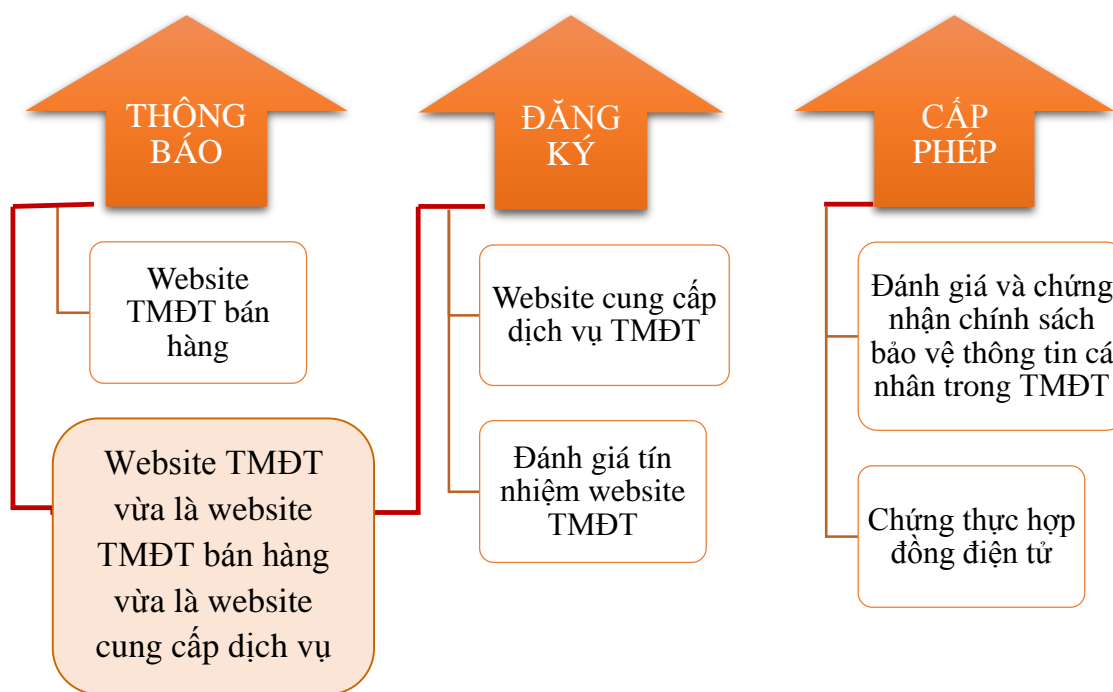


Bên cạnh việc kế thừa Thông tư số 12/2013/TT-BCT về các quy định liên quan đến thủ tục thông báo, đăng ký liên quan website thương mại điện tử thì Thông tư số 47/2014/TT-BCT chi tiết hóa hơn một số các quy định khác của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP như các vấn đề liên quan đến: quản lý hoạt động kinh doanh trên các website TMĐT, bao gồm việc phân định trách nhiệm quản lý với các website chuyên ngành; hoạt động kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trên website TMĐT; quản lý hoạt động kinh doanh TMĐT trên các mạng xã hội....

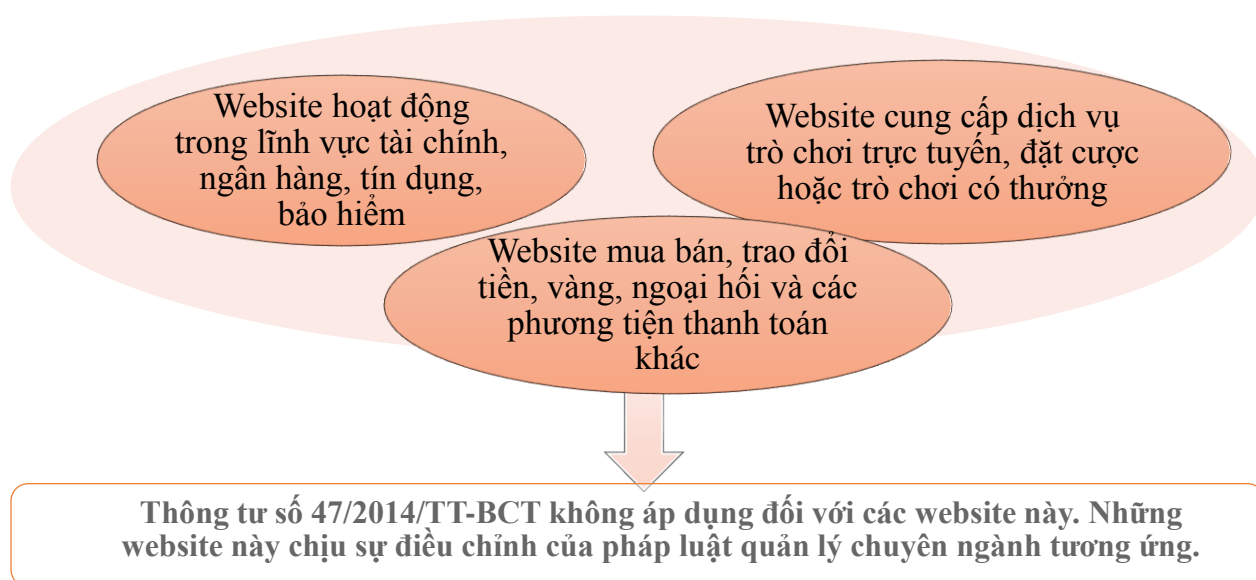
Hình 4: Trách nhiệm thực hiện thủ tục thông báo, đăng ký, cấp phép với Bộ Công

CÔNG THÔNG TIN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

WWW.ONLINE.GOV.VN



Hình 5: Phân định trách nhiệm quản lý với các website chuyên ngành



Hình 6: Quản lý hoạt động kinh doanh trên các mạng xã hội



Hình 7: Quản lý hoạt động kinh doanh hàng hóa hạn chế kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trên website thương mại điện tử

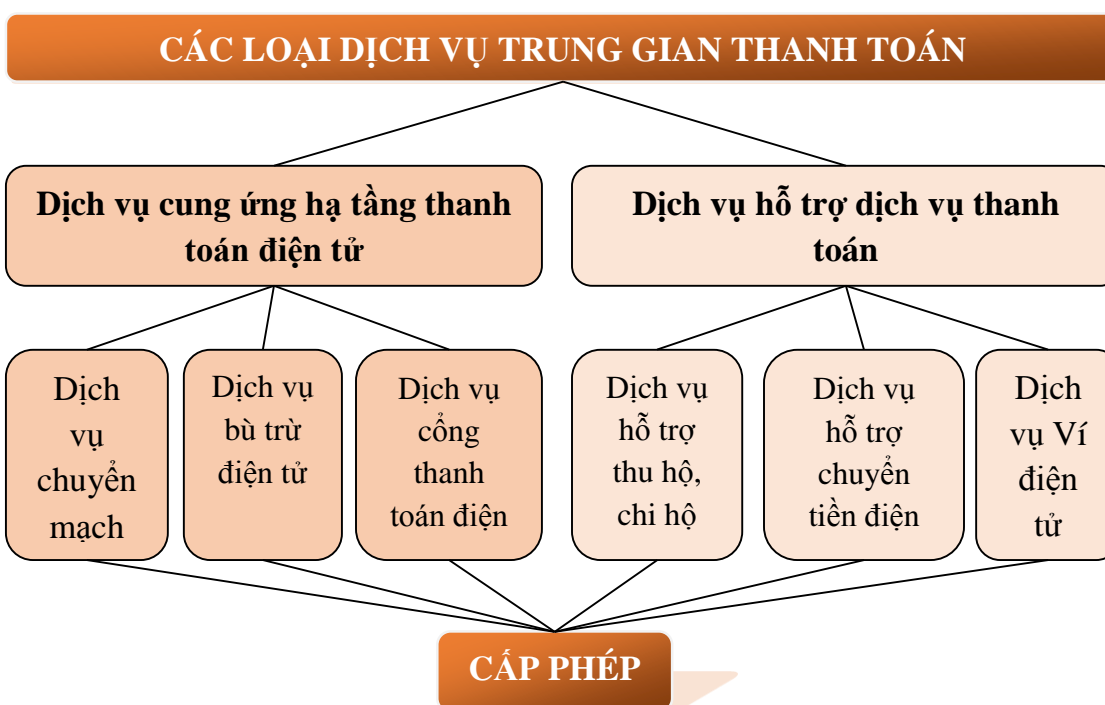
Đối tượng	Website TMĐT bán hàng	Website cung cấp dịch vụ TMĐT
KINH DOANH HÀNG HÓA HẠN CHẾ KINH DOANH		
Thương nhân, tổ chức, cá nhân	Không được phép	Không được phép
KINH DOANH HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN		
Cá nhân	Không được phép	Không được phép
Thương nhân, tổ chức	Được phép thiết lập website TMĐT bán hàng để kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện và phải công bố trên website của mình số, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ đó trong trường hợp pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> - Được phép sử dụng website cung cấp dịch vụ TMĐT để bán hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện. - Phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đó theo quy định của pháp luật. <p>Chủ sở hữu website cung cấp dịch vụ TMĐT trong trường hợp này phải có trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu người bán cung cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (trong trường hợp pháp luật quy định phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh); - Loại bỏ khỏi website thông tin bán hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh có căn cứ xác thực. (...⁴)

⁴ Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử được quy định tại Điều 4 Thông tư số 47/2014/TT-BCT.

3. Thông tư số 39/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán

Ngày 11 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư số 39/2014/TT-NHNN hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2015, nhằm hướng dẫn một số quy định về dịch vụ trung gian thanh toán được quy định tại Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt.

Hình 8: Các loại dịch vụ trung gian thanh toán



Thông tư số 39/2014/TT-NHNN làm rõ các loại hình dịch vụ trung gian thanh toán, đồng thời đưa ra các quy định cụ thể đối với hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, bao gồm: quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật; đảm bảo khả năng thanh toán; hoạt động cung ứng Ví điện tử. Đối với việc quản lý rủi ro, đảm bảo an toàn, bảo mật các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải thực hiện các quy định sau:

- Xây dựng và thực hiện các nguyên tắc quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng điện tử;
- Đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng; an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử;

- Tuân thủ các quy định về việc lập, sử dụng, bảo quản, lưu trữ chứng từ điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.

4. Chương trình Phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014-2020

Ngày 11 tháng 5 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014-2020 (Chương trình) với mục tiêu xây dựng các hạ tầng cơ bản và triển khai các giải pháp, hoạt động hỗ trợ phát triển lĩnh vực TMĐT ở Việt Nam, đưa TMĐT trở thành hoạt động phổ biến, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chương trình tập trung xây dựng 7 nhóm hoạt động lớn, bao gồm:

- Xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng TMĐT: chú trọng việc xây dựng hệ thống thanh toán điện tử và mạng lưới logistics cho hoạt động TMĐT;
- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về TMĐT: nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về TMĐT trong cộng đồng người tiêu dùng và doanh nghiệp;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực TMĐT: chuẩn hóa đội ngũ lao động trong lĩnh vực TMĐT và đẩy mạnh công tác đào tạo chính quy về TMĐT;
- Phát triển các sản phẩm, giải pháp TMĐT: hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực xuất khẩu, hiệu quả kinh doanh thông qua các gói giải pháp cụ thể; thúc đẩy triển khai dịch vụ công trực tuyến;
- Tư vấn xây dựng kế hoạch ứng dụng TMĐT: nghiên cứu thị trường, xu hướng thị trường để đưa ra các chiến lược phát triển TMĐT dài hạn;
- Hợp tác quốc tế về TMĐT: đẩy mạnh hoạt động hợp tác, tranh thủ nguồn lực bên ngoài để thúc đẩy TMĐT phi giấy tờ, hướng tới TMĐT xuyên biên giới;
- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức hoạt động phát triển TMĐT.

Chương trình phát triển TMĐT giai đoạn 2014-2020 được coi như đòn bẩy cho TMĐT Việt Nam chính thức chuyển mình sang thời kỳ phát triển theo hướng chiều sâu và bắt nhịp với các xu hướng của thế giới.

PHẦN II – ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ỨNG DỤNG TMĐT CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

I. Tình hình ứng dụng TMĐT của cộng đồng

Theo kết quả điều tra khảo sát năm 2014 của Cục TMĐT và CNTT, giá trị mua hàng trực tuyến của một người trong năm ước tính đạt khoảng 145 USD và doanh số thu từ TMĐT B2C đạt khoảng 2,97 tỷ USD, chiếm 2,12 % tổng mức bán lẻ hàng hóa cả nước.

Sản phẩm được lựa chọn tập trung vào các mặt hàng như đồ công nghệ và điện tử (60%), thời trang, mỹ phẩm (60%), đồ gia dụng (34%), sách, văn phòng phẩm (31%) và một số các mặt hàng khác. Tại Việt Nam, phần lớn người mua sắm sau khi đặt hàng trực tuyến vẫn lựa chọn hình thức thanh toán tiền mặt (64%), hình thức thanh toán qua ví điện tử chiếm 37%, và hình thức thanh toán qua ngân hàng chiếm 14%.

Hình 9: Ước tính doanh số TMĐT B2C của Việt Nam năm 2014

Dân số VN năm 2014	Tỷ lệ dân số sử dụng Internet	Ước tính giá trị mua hàng trực tuyến của 1 người năm 2014	Tỷ lệ truy cập Internet tham gia mua sắm trực tuyến	Ước tính doanh số thu được từ TMĐT B2C năm 2014
90,73 triệu dân ⁵	39%	145 USD	58%	2,97 tỷ USD

Theo khảo sát của Cục TMĐT và CNTT với hơn 900 người sử dụng Internet trên phạm vi toàn quốc, có 10% số người tham gia khảo sát cho biết thời lượng sử dụng Internet mỗi ngày là dưới 3 giờ. 36% số người tham gia khảo sát sử dụng Internet từ 3 – 5 giờ mỗi ngày.

II. Tình hình ứng dụng TMĐT của doanh nghiệp

Cục TMĐT và CNTT – Bộ Công Thương tiến hành điều tra khảo sát tình hình ứng dụng TMĐT tại gần 4.000 doanh nghiệp trong cả nước. Toàn bộ số liệu và phân tích được dựa trên kết quả khảo sát nói trên.

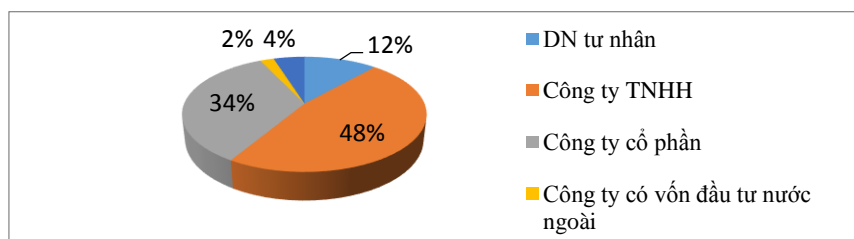
1. Loại hình doanh nghiệp

Khác với năm 2013, loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2014 đứng đầu là Công ty TNHH (48%), tiếp theo là Công ty cổ phần (34%). Doanh nghiệp tư nhân, công ty có

⁵Theo Tổng cục Thống kê “Tình hình kinh tế xã hội năm 2014” - www.gso.gov.vn

vốn đầu tư nước ngoài và loại hình khác chiếm 19% tổng số doanh nghiệp tham gia khảo sát còn lại.

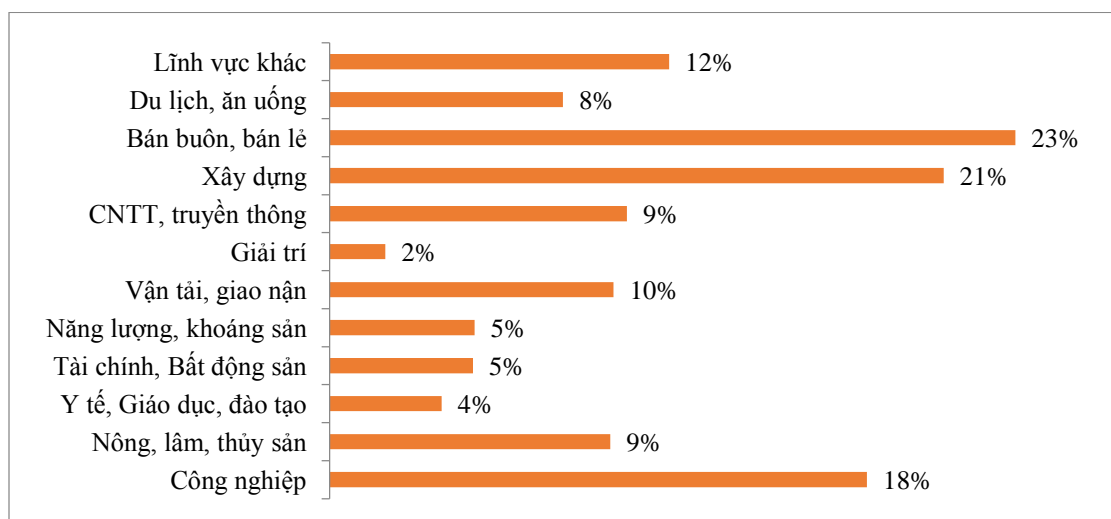
Hình 10: Loại hình doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2014



2. Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp

Ba lĩnh vực có nhiều doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2014 là lĩnh vực bán buôn, bán lẻ (23%), xây dựng (21%) và công nghiệp (18%). So sánh với năm 2013, lĩnh vực công nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (23%), bán buôn, bán lẻ chiếm đứng vị trí thứ 2 (21%) và cuối cùng là lĩnh vực xây dựng (17%).

Hình 11: Lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp tham gia khảo sát năm 2014



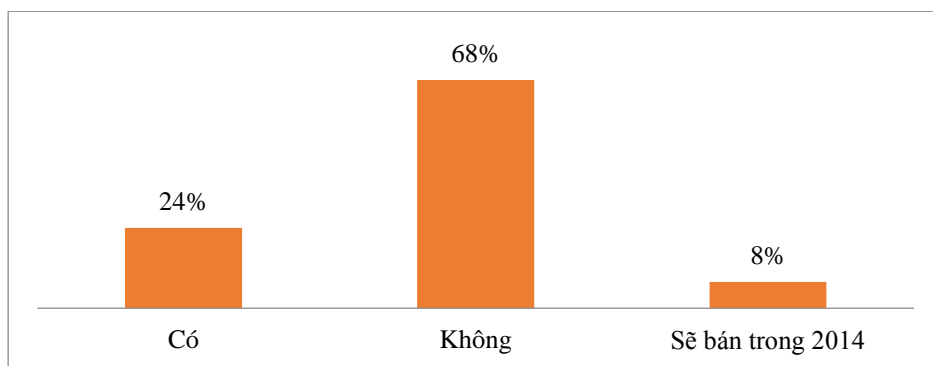
III. CÁC HÌNH THỨC GIAO DỊCH, THANH TOÁN TRONG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Các hình thức bán hàng

a. Qua mạng xã hội

Theo kết quả điều tra khảo sát, 24% doanh nghiệp có bán hàng trên các mạng xã hội và 8% doanh nghiệp trả lời sẽ bán trong năm 2015.

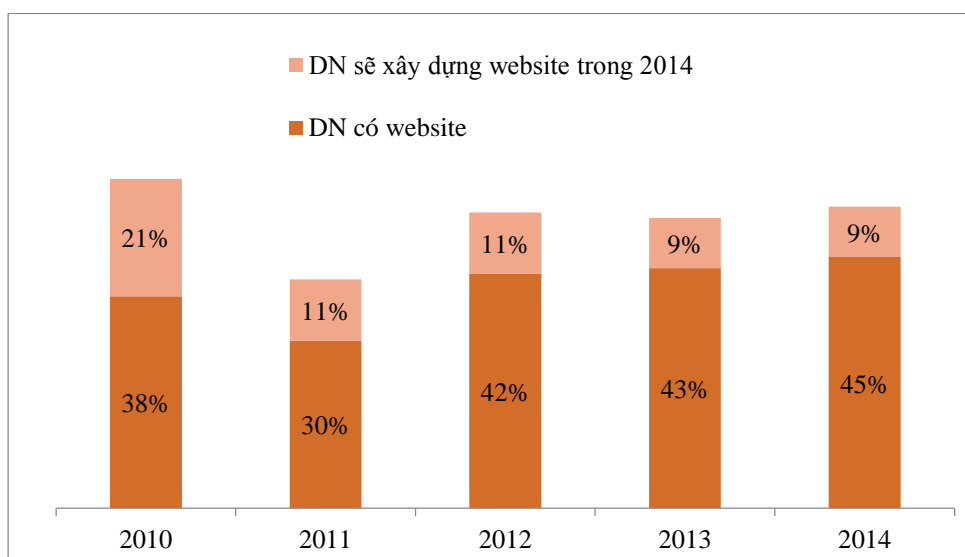
Hình 12: Tỷ lệ bán hàng trên mạng xã hội



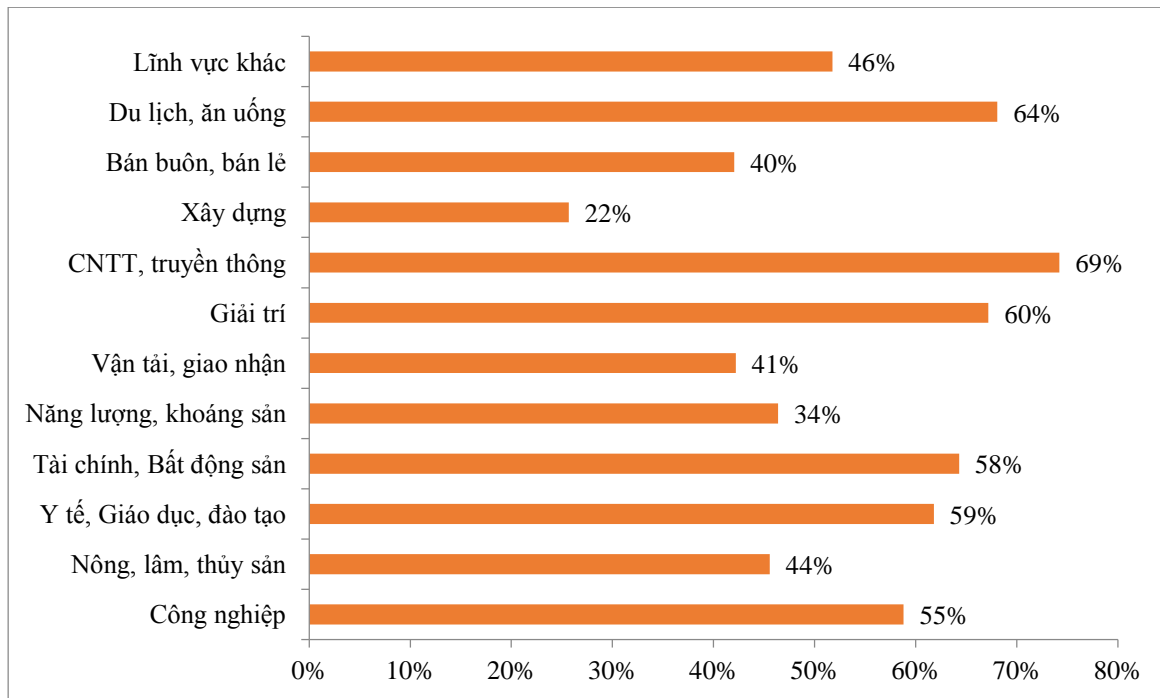
b. Qua website của doanh nghiệp

Số lượng doanh nghiệp sở hữu website năm 2014 là 45%. Trong đó, lĩnh vực có tỷ lệ sở hữu website cao nhất là công nghệ thông tin và truyền thông (69%).

Hình 13: Tình hình sở hữu website của doanh nghiệp qua các năm



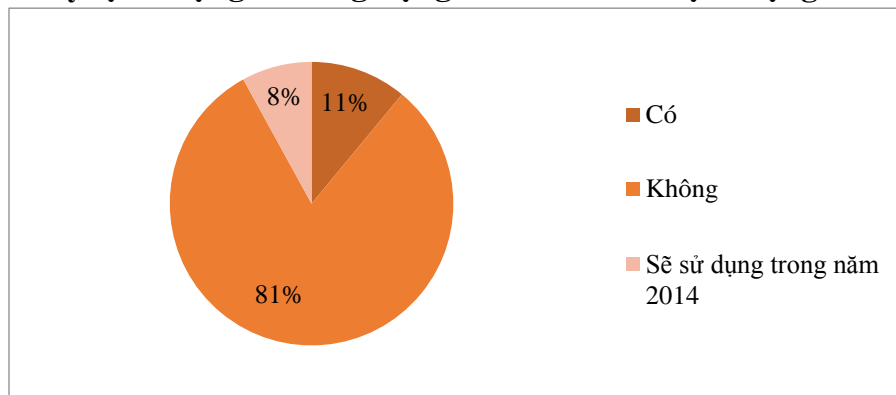
Hình 14: Tỷ lệ sở hữu website phân theo lĩnh vực hoạt động



c. Qua nền tảng thiết bị di động

TMĐT trên nền tảng di động đang từng bước đi sâu vào lĩnh vực bán lẻ với vai trò chuyển đổi từ kênh liên lạc sang vai trò kênh tương tác giữa nhà bán lẻ và người tiêu dùng. Khảo sát việc sử dụng các ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động để bán hàng, 11% doanh nghiệp trả lời có sử dụng các ứng dụng trên thiết bị di động để bán hàng.

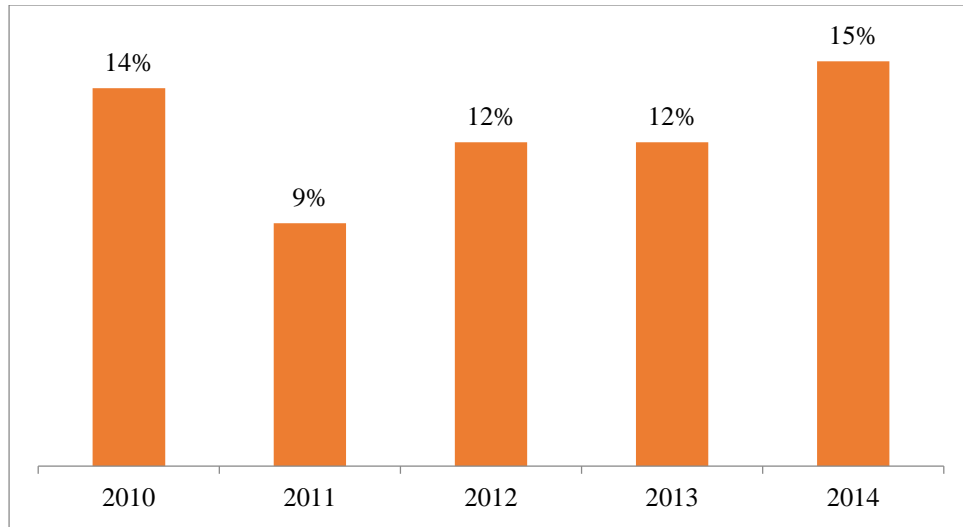
Hình 15: Tỷ lệ sử dụng các ứng dụng trên nền thiết bị di động để bán hàng



d. Qua sàn giao dịch thương mại điện tử

Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch TMĐT năm 2014 có xu hướng tăng so với những năm trước.

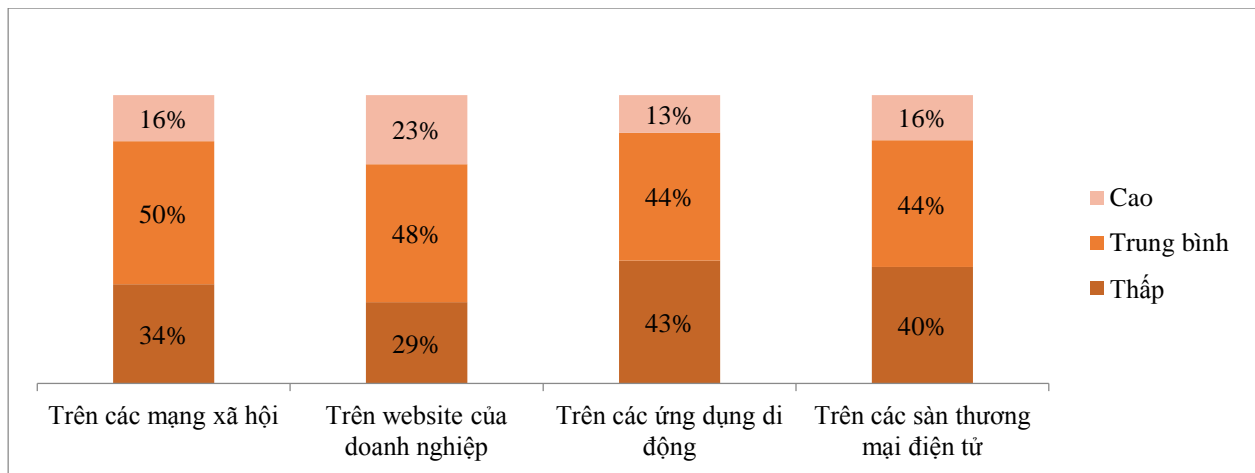
Hình 16: Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch TMDT qua các năm



đ. Đánh giá hiệu quả của việc bán hàng qua các hình thức

Khi được hỏi về hiệu quả của việc bán hàng qua các hình thức: mạng xã hội, website của doanh nghiệp, ứng dụng di động và trên các sàn giao dịch TMDT, doanh nghiệp có xu hướng đánh giá tốt hiệu quả của mạng xã hội và website doanh nghiệp (với tỷ lệ tương ứng 66% và 71% doanh nghiệp đánh giá hiệu quả cao hoặc trung bình cho 2 hình thức này).

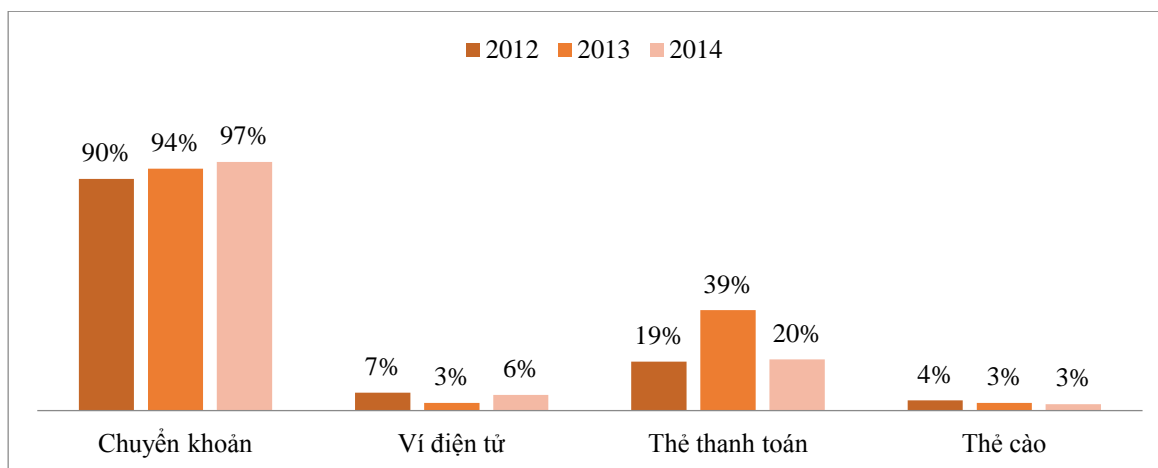
Hình 17: Đánh giá hiệu quả của việc bán hàng



2. Các hình thức thanh toán

Hình thức thanh toán chủ yếu tại doanh nghiệp vẫn là hình thức chuyển khoản (chiếm tỷ lệ hơn 90% qua các năm). Mức độ phổ biến thứ hai là thẻ thanh toán (20% năm 2014), ví điện tử (6% năm 2014) và thẻ cào (3% năm 2014).

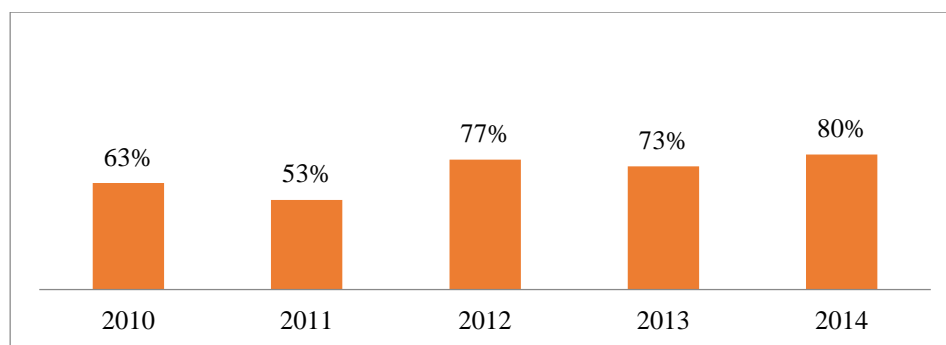
Hình 18: Các hình thức thanh toán chủ yếu



3. Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân

Hầu hết các doanh nghiệp đều có chính sách bảo vệ thông tin cá nhân. Năm 2014, 80% doanh nghiệp có áp dụng chính sách bảo vệ thông tin cá nhân, tăng so với 73% của năm trước đây.

Hình 19: Chính sách bảo vệ thông tin cá nhân

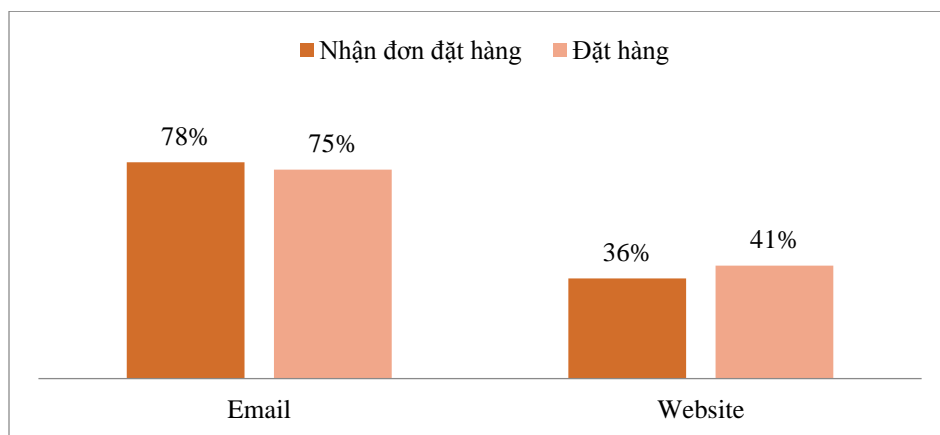


III. Hiệu quả ứng dụng TMDT của doanh nghiệp

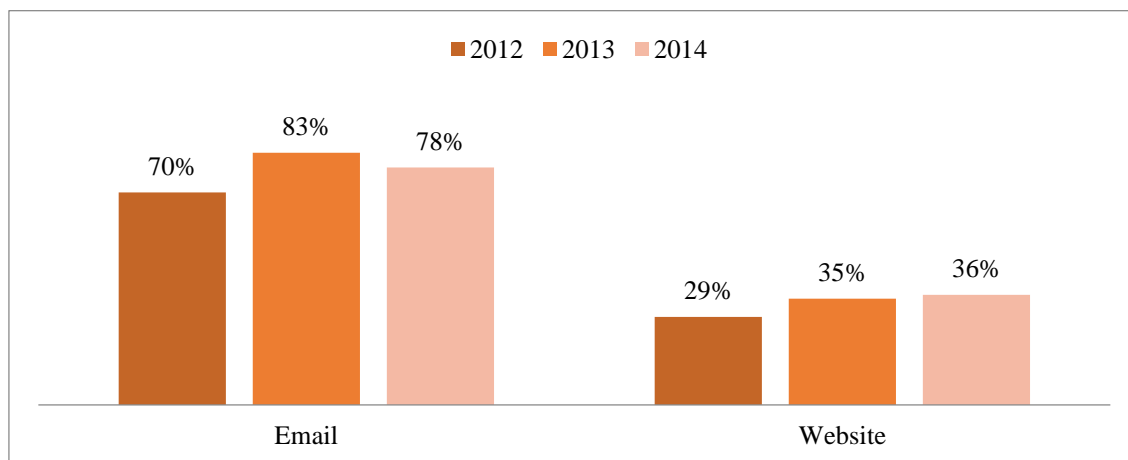
1. Nhận đơn đặt hàng và đặt hàng qua các phương tiện điện tử

Năm 2014, tỷ lệ doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua e-mail cao gần gấp đôi so với lượng đơn đặt hàng nhận qua website, với tỷ lệ tương ứng là 78% và 36%. Tương tự, tỷ lệ doanh nghiệp đặt hàng qua email cũng cao gần gấp đôi so với đặt hàng qua website (tỷ lệ tương ứng là 75% và 41%).

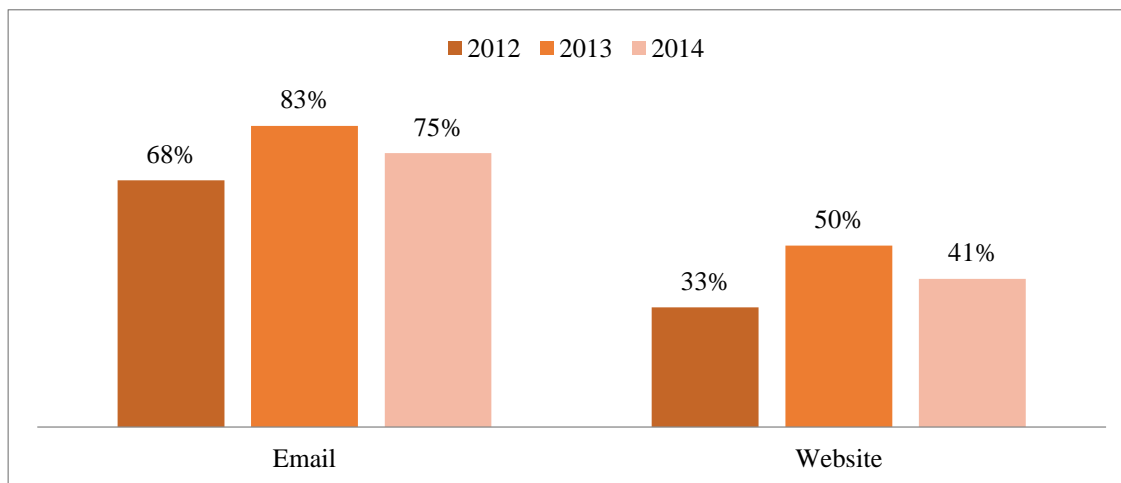
Hình 20: Doanh nghiệp sử dụng phương tiện điện tử để nhận đơn đặt hàng và đặt hàng năm 2014



Hình 21: So sánh phương tiện điện tử doanh nghiệp ứng dụng để nhận đơn đặt hàng

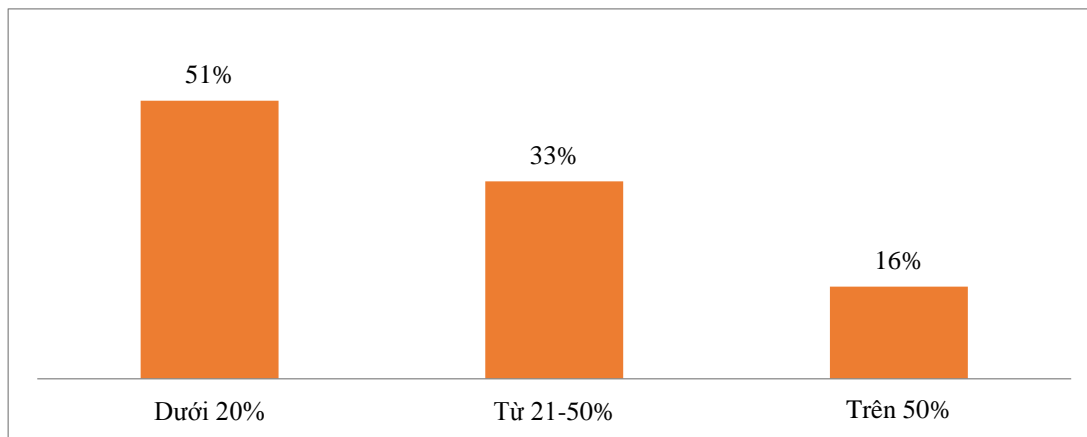


Hình 22: So sánh phương tiện điện tử doanh nghiệp ứng dụng để đặt hàng qua các năm



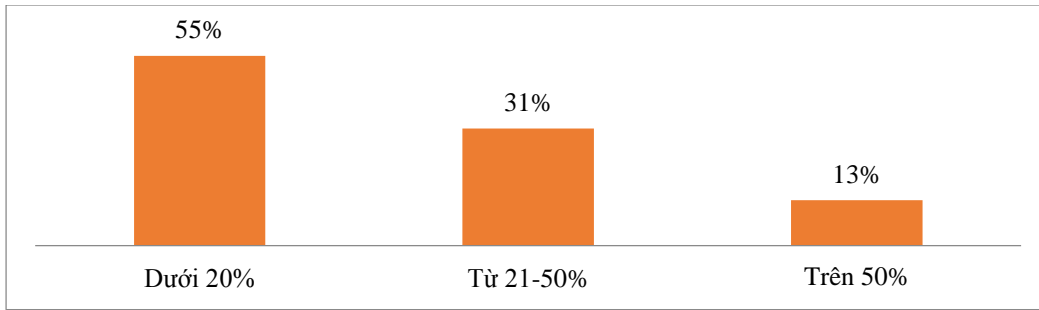
Trong số các doanh nghiệp tham gia khảo sát, 16% doanh nghiệp cho biết giá trị đơn hàng nhận được qua các phương tiện điện tử (email, website) chiếm trên 50% tổng doanh thu. 33% doanh nghiệp cho biết giá trị đơn hàng nhận được qua các phương tiện này chiếm 21%-50% tổng doanh thu trong năm.

Hình 23: Tổng giá trị đơn hàng đã nhận trên tổng doanh thu năm 2014



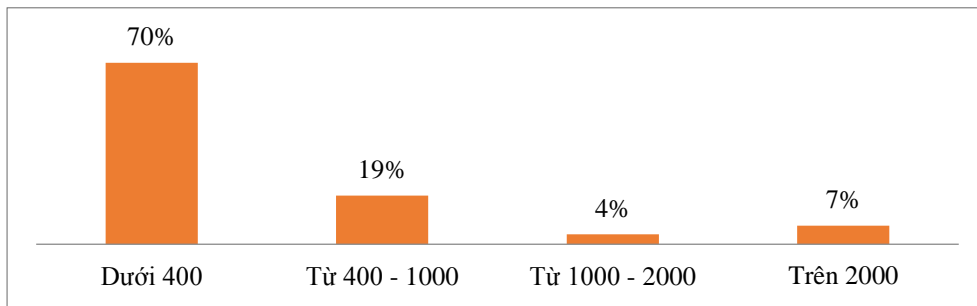
Cũng theo kết quả điều tra khảo sát, 13% doanh nghiệp cho biết giá trị đơn hàng doanh nghiệp đã đặt qua các phương tiện điện tử chiếm trên 50% tổng chi phí trong năm.

Hình 24: Tổng giá trị đơn hàng doanh nghiệp đã đặt trên tổng chi phí năm 2014

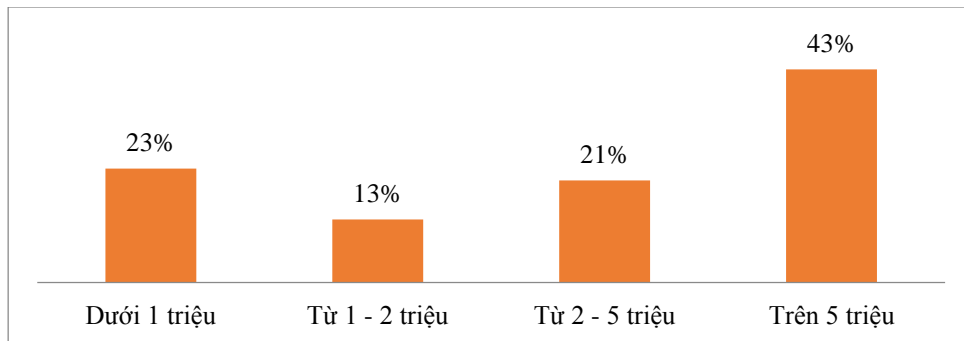


70% doanh nghiệp cho biết số lượng đơn hàng trực tuyến đã nhận năm 2014 là dưới 400 đơn hàng. 43% doanh nghiệp cho biết giá trị trung bình của các đơn đặt hàng năm 2014 là trên 5 triệu đồng.

Hình 25: Số lượng đơn hàng trực tuyến đã nhận năm 2014



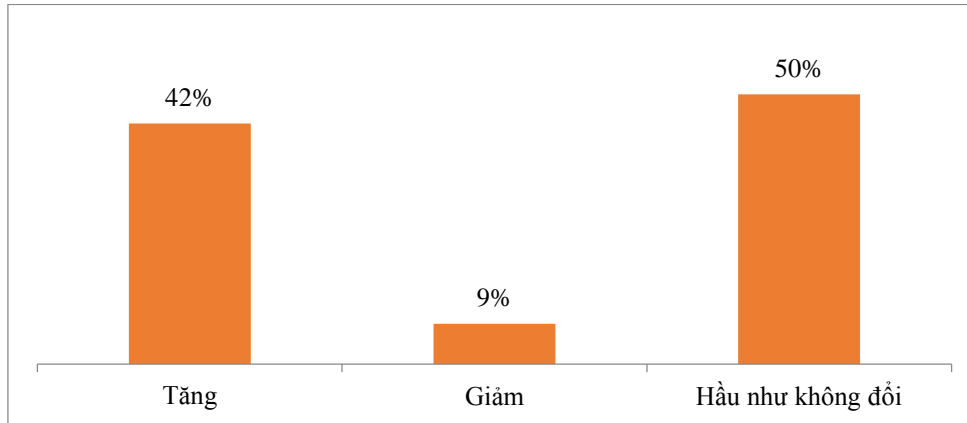
Hình 26: Giá trị trung bình của các đơn đặt hàng năm 2014



2. Doanh thu của doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử năm 2014

44% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết doanh thu từ hàng hóa, dịch vụ tiếp thị qua kênh TMĐT của doanh nghiệp năm 2014 đã tăng so với năm 2013, 50% doanh nghiệp trả lời hầu như không đổi. Chỉ có 9% doanh nghiệp cho biết doanh thu có xu hướng giảm.

Hình 27: Doanh thu hàng hóa, dịch vụ tiếp thị qua kênh TMĐT



PHẦN III – MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

1. Về cơ sở hạ tầng pháp lý cho TMĐT

Hạ tầng pháp lý cho TMĐT được đánh giá cơ bản đã hoàn thiện với hệ thống văn bản bao gồm: Luật – Nghị định hướng dẫn – Thông tư hướng dẫn và các văn bản hỗ trợ khác. Tuy nhiên, TMĐT là một lĩnh vực có tốc độ phát triển nhanh, nhiều mô hình kinh doanh mới xuất hiện. Vì vậy, hạ tầng pháp lý về TMĐT cần được hoàn thiện, chỉnh sửa để phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể:

- Rà soát lại Luật Giao dịch điện tử sau 10 năm có hiệu lực;
- Lê kế hoạch xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh những vấn đề mới, nổi cộm như thương mại điện tử trên nền tảng di động, TMĐT xuyên biên giới, mô hình kinh doanh TMĐT kiểu mới, hóa đơn điện tử, bảo vệ người tiêu dùng trong TMĐT, v.v...
- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực TMĐT nhằm khuyến khích người tiêu dùng và doanh nghiệp ứng dụng TMĐT, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh. Cụ thể, cần chú trọng đến cơ chế giải quyết tranh chấp trong TMĐT và TMĐT xuyên biên giới.

2. Về mức độ ứng dụng TMĐT trong cộng đồng và doanh nghiệp

Việt Nam được đánh giá là một trong những nền kinh tế năng động và có tốc độ phát triển về kinh tế số cao trong khu vực ASEAN, vì vậy, giai đoạn 5 năm tiếp theo sẽ đánh dấu một mốc quan trọng cho sự phát triển của TMĐT trong cộng đồng nói chung. Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ dân cư sử dụng Internet và tham gia mua sắm trực tuyến của Việt Nam khá tích cực. Dự kiến, con số này sẽ tiếp tục tăng khá nhanh trong thời gian tới. Điều này sẽ giúp doanh số TMĐT B2C tăng nhanh, quy mô thị trường TMĐT được mở rộng trong giai đoạn tới.

Căn cứ kết quả phân tích số liệu có được từ khảo sát doanh nghiệp tại một số thành phố lớn, chuyên gia có đưa ra một số kiến nghị cho nội dung Dự thảo Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2016-2020 như sau:

- Hoàn thiện hơn nữa về hạ tầng TMĐT, tập trung vào một số hạ tầng quan trọng dưới đây:

- Xây dựng hệ thống thanh toán TMĐT để giảm bớt hình thức thanh toán tiền mặt (C.O.D), khuyến khích sử dụng các hình thức thanh toán trực tuyến hoặc qua thẻ tín dụng, thẻ thanh toán;
- Hình thành mạng lưới dịch vụ - vận chuyển, giao nhận chuyên nghiệp, từ đó, giảm chi phí giao nhận, giảm thời gian giao nhận, phát huy đúng thế mạnh của TMĐT và mua hàng trực tuyến;
- Nâng cao chất lượng hạ tầng đảm bảo an toàn, an ninh mạng nhằm giảm thiểu, hạn chế, ngăn ngừa việc bị lộ thông tin, dữ liệu khách hàng gây thiệt hại cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Xu hướng ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp khá tích cực, tuy nhiên, họ vẫn còn gặp khó khăn về nguồn nhân lực phục vụ công tác chuyên môn. Vì vậy, Kế hoạch cũng nên quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực cho TMĐT bao gồm ngắn hạn – dài hạn và không chính quy – chính quy.

- Hỗ trợ, khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ hiện đại như điện toán đám mây, IoT (Internet of Things), v.v... nhằm cập nhật kịp thời những xu hướng mới của thế giới, tối ưu hóa trong kinh doanh và sản xuất.

- Tiếp tục khuyến khích và hỗ trợ phát triển những mô hình kinh doanh TMĐT điển hình, thành công; ưu tiên các mô hình khởi nghiệp trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ.